

Số: /BVĐKSD-VTTBYT

Sa Đéc, ngày tháng 5 năm 2025

V/v mời cung cấp báo giá mua sắm
thiết bị y tế năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ths. Bùi Văn Bé Mười, Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế. ĐT: 0949.316.368.

- Ths. Cao Văn Tho, PTP Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế. ĐT: 0939161775.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Nhận qua email: vttbyt.bvds@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 09h00 ngày 28 tháng 5 năm 2025 đến trước 09h00 ngày 09 tháng 6 năm 2025.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

(Đính kèm mẫu báo giá)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục yêu cầu báo giá: *(Phụ lục kèm theo)*

2. Địa điểm cung cấp: Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 30 ngày.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Chuyển khoản và thanh toán sau khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử

dụng và cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

- Điều kiện thanh toán: Được cung cấp đầy đủ hóa đơn, biên bản nghiệm thu thiết bị và chứng từ hợp lệ.

- Thời hạn thanh toán: 90 ngày.

5. Các thông tin khác: Không.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BV;
- Lưu: VT, VTTBYT. Mười (01b).

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Tùng

PHỤ LỤC
Danh mục mua sắm thiết bị y tế năm 2025

(Kèm theo Công văn số /BVĐKSD-VTTBYT ngày tháng 5 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

Stt	Thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bơm tim điện	YÊU CẦU CHUNG: - Chất lượng hàng: Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương - Nguồn cung cấp: 100-240 V ~ / 50/60 Hz và pin YÊU CẦU CẤU HÌNH: Bao gồm: + Máy chính: 01 Máy + Cáp nguồn: 01 Cái + Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 Bộ + Pin: Pin Lithium-ion Polymer YÊU CẦU ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT: - Thông số kỹ thuật: Thể tích được truyền: 0.0 đến 9999.9 mL (bước cài đặt 0.1 mL) Dải tốc độ: từ 0.1 đến 1800 mL/h; bước cài đặt 0.1 mL/h Ống tiêm 50ml : từ 0.1 đến 1800ml/h Ống tiêm 30ml : từ 0.1 đến 1200ml/h Ống tiêm 20ml : từ 0.1 đến 800ml/h Ống tiêm 10ml : từ 0.1 đến 400ml/h Ống tiêm 5ml : từ 0.1 đến 200ml/h Sai số: ±1% trên thiết bị (không bao gồm sai số ống tiêm), ±3% sai số tổng Kích cỡ ống tiêm: 5 mL, 10 mL, 20 mL, 30 mL, 50 mL (60 mL) Thời gian truyền có thể tùy chọn: từ 00giờ 01phút đến 99 giờ 59 phút, bước cài đặt tối thiểu 01 phút. Các chế độ truyền: Theo tốc độ: mL/h Theo thời gian: phút, mL/h Theo liều lượng: ng/min, µg/min, mg/min, g/min, U/min, IU/min, ng/h, µg/h, mg/h, g/h, U/h, IU/h, mL/hr, ng/kg/min, µg/kg/min, mg/kg/min, g/kg/min, U/kg/min, IU/kg/min, ng/kg/h, µg/kg/h, mg/kg/h, g/kg/h, U/kg/h, IU/kg/h Tốc độ truyền nhanh (Bolus) : Ống tiêm 50ml : từ 0.1 đến 1800ml/h Ống tiêm 30ml : từ 0.1 đến 1200ml/h Ống tiêm 20ml : từ 0.1 đến 800ml/h Ống tiêm 10ml : từ 0.1 đến 400ml/h	Máy	08

		Ống tiêm 5ml : từ 0.1 đến 200ml/h Bước cài đặt 0.1ml/h với tất cả các ống tiêm Tốc độ đuổi khí: Ống tiêm 50ml : 1800ml/h Ống tiêm 30ml : 1200ml/h Ống tiêm 20ml : 800ml/h Ống tiêm 10ml : 400ml/h Ống tiêm 5ml : 200ml/h Tốc độ KVO tự động là 0.1 mL/h tới 1.0 mL/h, hoặc tốc độ cài đặt gần nhất, tùy theo cái nào thấp hơn. - Kiểm soát vị trí ống tiêm: + Kiểm tra kẹp thân ống tiêm, phát hiện vành và đầu ống tiêm Kiểm soát tiêm truyền: + Báo động áp lực nghẽn, + Cảnh báo kết thúc tiêm truyền + Cảnh báo ống tiêm sắp rỗng - Kiểm soát thiết bị: + Cảnh báo lỗi ống tiêm + Cảnh báo pin yếu + Cảnh báo lỗi kỹ thuật - Quản lý áp lực: 03 chế độ cài đặt sẵn: Thấp: 50 - 80 kPa Trung bình: 80 - 120 kPa Cao: 120 - 150 kPa.		
2	Máy truyền dịch	YÊU CẦU CHUNG: - Chất lượng hàng: Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương - Nguồn cung cấp: 100-240 V ~ / 50/60 Hz và pin YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH: Bao gồm: + Máy chính: 01 Máy + Cáp nguồn: 01 Cái + Cảm biến nhỏ giọt: 01 Bộ + Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 Bộ YÊU CẦU VỀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT: - Thông số kỹ thuật: Cơ chế bơm truyền dịch: Bơm nhu động tuyến tính. Pin sạc: Lithium-ion polymer - Chức năng tiêm truyền chính: • Truyền theo tốc độ ml/h, truyền theo đếm giọt/giọt/phút • Truyền theo thời gian: phút, mL/h, giọt/phút.	Máy	02

		• Truyền theo thể tích • Chế độ truyền theo liều lượng: ng/min, µg/min, mg/min, g/min, U/min, IU/min, ng/h, µg/h, mg/h, g/h, U/h, IU/h, mL/h, ng/kg/min, µg/kg/min, mg/kg/min, g/kg/min, U/kg/min, IU/kg/min, ng/kg/h, µg/kg/h, mg/kg/h, g/kg/h, U/kg/h, IU/kg/h. - Tốc độ truyền: + 1,0 đến 1200 mL/giờ, Bước cài đặt 0.1 mL/h với dải 1 tới 99.9 mL/h, 1 mL/h với dải 100 tới 1200 mL/h. + hoặc 1 đến 400 giọt/phút, bước cài đặt 1 giọt/phút. - Thư viện thuốc: 1030 loại thuốc trong 14 danh mục. - Thời gian truyền: Từ 00 giờ 01 phút đến 99 giờ 59 phút. - Độ chính xác: ± 5% - Đuôi khí: thủ công hoặc sử dụng chức năng Purge/bolus trên bơm - Bơm nhanh: + Tốc độ : 1-1200ml/h, bước cài bước 0,1 mL/h với tốc độ 1-99.9 ml/h và 1 ml/h với tốc độ 100-1200 mL/h. + Thể tích : 1-100ml, bước cài đặt 1 mL. - Chức năng chống chảy dịch tự do: có kẹp chống chảy dịch tự do khi đóng cửa máy bơm. - Chế độ giữ vein KVO: Tự động giữ vein sau khi kết thúc tiêm truyền. - Tốc độ giữ vein : 1 mL/h với tốc độ ≤ 10 mL/h. 3 mL/h với tốc độ > 10 mL/h. - Chức năng quản lý áp lực: + 03 mức áp lực tác nghẽn : - Thấp : ≤ 60 kPa - Trung bình : ≤ 100 kPa - Cao : ≤ 150 kPa + Hệ thống cảm biến nhỏ giọt - Chức năng an toàn: + Trạng thái bơm: hiển thị trạng thái bơm trên màn hình, Đèn đỏ hiển thị báo động cảnh báo, Đèn chỉ thị KVO, truyền nhanh bolus. Tất cả các báo động được cảnh báo bằng đèn, thông báo trên màn hình, và âm thanh. + Kiểm soát tiêm truyền: cảnh báo áp lực nghẽn, kết thúc truyền, bọt khí, truyền sai tốc độ, hết dịch. + Kích thước bọt khí có thể phát hiện : 50µL + Kiểm soát thiết bị : cảnh báo mở cửa, pin yếu, hết pin, lỗi kỹ thuật.		
3	Máy phá rung tim	YÊU CẦU CHUNG: - Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100% - Xuất xứ từ các quốc gia thuộc G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Máy	01

- Điện áp làm việc: 100 - 240V , 50/60 Hz
- Môi trường hoạt động:
 - o Nhiệt độ môi trường: -5°C đến 45°C
 - o Độ ẩm tương đối: 15% đến 95%

YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH THIẾT BỊ:

- Máy chính kèm màn hình màu
- Tích hợp bản sốc cho người lớn và trẻ em : 01 cái
- Cáp điện tim: 01 cái
- Dây điện tim 3 chuyển đạo: 01 cái
- Giấy ghi: 01 cuộn
- Pin sạc: 01 cái
- Gel bôi da đánh sốc: 01 lọ
- Bản sốc dán dành cho tạo nhịp: 01 cái
- Adaptor cho bản sốc dán: 01 cái
- Dây nguồn: 01 cái
- Máy ghi: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG :

- Sử dụng kỹ thuật lưỡng pha Acti Biphasic giúp hạn chế tổn thương trên cơ tim
- Nạp điện nhanh ≤ 4 giây để đưa mức năng lượng lên tới $\geq 200J$
- Sóng ECG phục hồi ≤ 3 giây sau khi khử rung tim
- Màn hình LCD với đèn chiếu lưng dễ nhìn ngay cả trong điều kiện ánh sáng mạnh
- Vận hành trong môi trường thay đổi từ ≤ -5 đến ≥ 45 độ C , khả năng chống nước và chống bụi bẩn theo tiêu chuẩn IP44.
- Chống rung theo tiêu chuẩn MIL-STD-810F 514.5 Category 4 (cho xe tải) , EN1789 , MIL-STD-810F 514.5 Category 9 (cho trực thăng)
- Máy được thiết kế với màn hình màu ≥ 6.5 -inch Color LCD TFT có thể hiển thị lên đến ≥ 4 dạng sóng
- Máy có bản sốc cho trẻ em dùng chung với bản sốc người lớn
- Máy có hướng dẫn vận hành trên màn hình : Hình ảnh minh họa các báo động đơn giản. Hướng dẫn cách thao tác để đo các thông số.
- Có tính năng tạo nhịp ngoài
- Có chức năng tự kiểm tra hàng ngày và hàng tháng và hoạt động bất kể máy có bật hay không, có kết nối dây nguồn hay không kết nối. Chức năng kiểm tra hạn sử dụng pin và điện áp còn lại, mạch cao áp và báo kết quả bằng đèn chỉ thị màu xanh hoặc đỏ trên bảng điều khiển.

YÊU CẦU VỀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:

Sốc điện

- Kiểu đánh sốc: Bằng tay, đồng bộ, tự động (AED)
- Năng lượng đầu ra (trên 50 Ohm)
 - o Pad sốc ngoài : $\leq 2, 3, 5, 7, 10, 15, 20, 30, 50, 70, 100, 150, 200, \geq 270J$
 - o Pad sốc trong : $\leq 2, 3, 5, 7, 10, 15, 20, 30, \geq 50J$
 - o Pad sốc dán : $\leq 2, 3, 5, 7, 10, 15, 20, 30, 50, 70,$

		100, 150, 200, $\geq 270J$ ○ Chế độ AED : Người lớn : $\geq 150J$ lần đầu, $\geq 200J$ lần hai, $\geq 200J$ lần ba (có thể chọn 50, 70, 100, 150, 200 và 270J) . Trẻ em : $\geq 50J$ lần đầu, $\geq 70J$ lần hai, $\geq 70J$ lần ba (có thể chọn 50, 70, 100J) - Thời gian sạc điện khi sốc điện bằng tay (bản sốc ngoài) nạp 270J nhỏ hơn 5s, nạp 200J nhỏ hơn 4s, từ lúc mở máy đến khi nạp 270J trong vòng 10 giây khi dùng điện lưới - Thời gian sạc điện ở chế độ đánh sốc tự động AED : Từ chế độ chờ đến khi nạp 270J trong vòng 8 đến 15 giây , từ lúc mở máy đến khi nạp 270J trong vòng 14 đến 23 giây - Đánh sốc đồng bộ: có - Thời gian đánh sốc: trong vòng ≤ 60 miligiây từ đỉnh sóng R đến đỉnh sóng đánh sốc - Phân tích rung thất VF ○ Thời gian phân tích : Phân tích rung thất liên tục được cài đặt ON: phân tích cần đánh sốc: ≤ 3 giây, phân tích không đánh sốc: ≤ 5 giây ○ Phân tích rung thất liên tục được cài đặt OFF: phân tích cần đánh sốc: ≤ 5 giây, phân tích không đánh sốc: ≤ 8 giây ○ Nhịp có thể đánh sốc sóng VF (biên độ 0.1 mV hoặc hơn, không có QRS, không có phần phẳng hơn 1 giây, không nhiễu), sóng VT (nhịp tim 180 bpm hoặc hơn) - Độ chính xác phân tích VF: Đánh sốc VF: độ nhạy $\geq 90\%$ ○ Đánh sốc VT: độ nhạy $\geq 75\%$ ○ Không đánh sốc: đặc tính $\geq 95\%$ Màn hình monitor - Kích thước màn hình : ≥ 6.5 inch, LCD, màu - Độ phân giải : $\geq 640 \times 480$ pixels - Độ sáng : ≥ 1000 cd/m² - Hiển thị tham số : nhịp tim, SpO₂ (%), nhịp mạch, EtCO₂, nhịp thở Điện tâm đồ ECG - Cài đặt độ nhạy ≥ 4 mức: 1/4, 1/2, 1, 2, 4 - Lọc AC: có, 50/60 Hz, On (-20dB hoặc ít hơn), Off - Điện áp Offset : +/- 4 mm hoặc ít hơn (trên giấy in) - Dải đo nhịp tim: 0, ≤ 15 đến ≥ 300 bpm ở chế độ đánh sốc và theo dõi 0, ≤ 15 đến ≥ 220 bpm ở chế độ tạo nhịp - Thời gian hồi phục đường nền: ít hơn 3 giây sau khi đánh sốc mức 270 J - Hệ số triệt tín hiệu đồng pha (CMRR): ≥ 100 dB khi bật lọc nguồn AC Tạo nhịp ngoài - Dạng sóng : hình thang - Độ rộng xung : ≥ 40 miligiây +/- 10% - Tốc độ tạo nhịp : 30 – ≥ 180 ppm , mỗi bước ≥ 10 ppm		
--	--	---	--	--

		- Cường độ tạo nhịp : 0 , ≤ 8 – ≥ 200 mA, mỗi bước ≥ 1 mA - Điện trở tải tối đa: ≥ 350 ohm (ở 200 mA) - Khoảng duy trì: ≥ 350 mili giây (30 đến 90 ppm), ≥ 240 mili giây (100 đến 180 ppm) Máy ghi nhiệt: - Độ nhạy : 10 mm/mV +/- 10% - Chiều rộng khổ giấy: ≤ 50mm, giấy cuộn - Mật độ in : ≥ 8 dots/mm - Ghi bằng tay: - o Ghi thời gian thực: dạng sóng từ lúc nhấn nút ghi - o Ghi trễ : ≥ 4 giây sau khi chọn sóng trễ - o Ghi sự kiện : dạng sóng ≥ 4 giây trước và ≥ 8 giây sau khi nhấn nút EVENT - o Biểu đồ hướng: 1, 2, 4, 8, hoặc 24 giờ thông số nhịp tim, SpO₂, nhịp mạch, CO₂, nhịp thở, VPC - o Kết quả Self-test - o Kết quả kiểm tra cơ bản - o Lịch sử vận hành, trạng thái thiết bị - Ghi tự động: - o Báo động : bắt đầu ghi sóng khi có báo động (lựa chọn bật/tắt) - o Ghi sóng đánh sốc: bắt đầu ghi khi nạp năng lượng - o Ghi theo chu kỳ: ≤ 1, 2, 4, 8, hoặc ≥ 24 giờ thông số nhịp tim, SpO₂, nhịp mạch, CO₂ Pin - Loại pin : Ni-MH - Điện áp pin : ≥ 12.0 V (9.0 đến 18.0 V) - Dung lượng : ≥ 2800 mAh - Thời gian vận hành: với pin mới sạc đầy ở môi trường 20oC - o ≥ 100 lần đánh sốc ở ≥ 270J - o ≥ 180 phút theo dõi liên tục - o ≥ 120 phút tạo nhịp liên tục - Với pin mới sạc đầy ở 0oC - o ≥ 50 lần đánh sốc ở ≥ 270J - Thời gian sạc pin: ≤ 3 giờ		
4	Bộ đặt nội khí quản có camera (bao gồm 04 cỡ lưới)	YÊU CẦU CHUNG: - Chất lượng hàng: Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH: - Màn hình: 01 cái - Bộ tay cầm cho lưới đặt nội khí quản: 01 bộ - Lưới đặt nội khí quản loại dùng nhiều lần: 01 bộ (MAC 2,3,4) - Hộp đựng: 01 cái - Adapter sạc: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ YÊU CẦU VỀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:	Bộ	01

		- Kết cấu thép cứng - Lắp đặt và tháo các lưỡi nhanh chóng - Nút chụp ảnh nhanh để ghi ảnh và quay video - Bộ nhớ dữ liệu ≥ 4 GB - Đầu ra HDMI tùy chọn cho màn hình từ xa - Lưỡi Macintosh (lưỡi cong) kích cỡ 1, 2, 3, 4, 5 có sẵn - Lưỡi cong “D” Macintosh (lưỡi thẳng) kích cỡ 1, 2, 3, 4, 5 có sẵn - Lưỡi Miller kích cỡ 0, 1 có sẵn - Đi kèm tiêu chuẩn với lưỡi Macintosh kích cỡ 2, 3 và 4 - Màn hình được gia cố với khả năng chống vỡ - Màn hình HD ≥ 4 inch , Độ phân giải $\geq 640 \times 480$ RGB - Màn hình chống trầy và chống lóa - Ống kính chống sương mù - Chức năng chống sương mù tự động khi bật nguồn - Camera ≥ 2.0 mega pixel có video - Pin sạc Li-ion - Camera lưỡi nội soi thanh quản đi kèm + Độ phân giải: ≥ 2.0M Pixel + Góc nhìn: 66° + Độ chiếu sáng: ≥ 800LUX - Điều kiện làm việc + Nhiệt độ: $5 \sim +40^\circ\text{C}$ + Độ ẩm: $30 \sim 85\%$ + Áp suất không khí: 700hPa đến 1060hPa - Tay cầm + Chất liệu ABS - Thiết kế tay cầm ngăn tiện dụng.		
5	Máy ly tâm	YÊU CẦU CHUNG: - Chất lượng hàng: Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH: - Máy chính: 01 Chiếc - Rotor góc 12 x 15ml - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ YÊU CẦU VỀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT: * Tính năng - Hai màn hình LED lớn cho tốc độ / RCF và thời gian - Khả năng lập trình RCF - Phím xung cho các yêu cầu ly tâm ngắn - Giảm nhiệt độ trong buồng bằng cách làm mát không khí liên tục thông qua kênh dẫn khí trong nắp - Ổ đĩa cảm ứng không chổi than - Đảm bảo an toàn nhờ thân thép, nắp và khoang, hệ thống khóa	Cái	01

		nắp và bảo vệ động cơ quá nhiệt - Được phân phối với rotor góc 12x15 ml. * Thông số kỹ thuật - Tốc độ ly tâm tối đa ≥ 6.000 rpm - Lực ly tâm tối đa $\geq 4.065xg$ - Dung tích ống: 12x15 ml - Hệ thống điều khiển: Điều khiển vi xử lý có thể lập trình - Khoảng tốc độ cài đặt: 1.000-5.000 rpm - Bước cài đặt tốc độ: 10 rpm - Khoảng hẹn giờ cài đặt: 1-99 phút và giữ vị trí - Bước cài đặt hẹn giờ: 1 phút - Motor: Động cơ cảm ứng - Thân máy, Nắp và buồng: Thép sơn tĩnh điện - Nguồn cung cấp: 230 V / 50-60 Hz (115 V / 60 Hz) - Điều kiện môi trường hoạt động: - Nhiệt độ môi trường xung quanh: 5°C đến 25°C. - Độ ẩm tương đối tối đa 80% đối với nhiệt độ lên tới 22°C.		
6	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng	YÊU CẦU CHUNG: - Chất lượng hàng: Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT: 1. Optic dùng phẫu thuật soi treo thanh quản, đường kính 4mm, dài 170mm, 15 độ, dạng khuỷu, tương thích kết nối được với hệ thống nội soi hãng Karl Storz: 01 cái. 2. Kéo vi thanh quản, đầu cong trái, đầu mảnh, chiều dài hoạt động khoảng 230 mm: 01 cái 3. Kéo vi thanh quản, đầu cong phải, đầu mảnh, chiều dài hoạt động khoảng 230 mm: 01 cái 4. Dao phẫu tích thanh quản, hình liềm, dài 250 mm: 01 cái 5. Tay cầm cho dụng cụ thanh quản, dài 115 mm: 01 cái 6. Ống hút Frazier (Fergusson), gấp góc 45°, kích thước Charr 9., chiều dài hoạt động khoảng 190 mm: 01 cái 7. Kẹp vi phẫu, thẳng, sắc, hàm có khuyết, chiều dài hoạt động 250 mm: 01 cái 8. Kẹp vi phẫu thanh quản, cong lên trái, không có khóa, chiều dài hoạt động 230mm: 1 cái 9. Kẹp vi phẫu thanh quản, cong lên phải, không có khóa, chiều dài hoạt động 230mm: 1 cái	Bộ	01

Tên công ty/cơ sở:
Địa chỉ:
Điện thoại:
.....

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của..... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp(12)
(Ký tên, đóng dấu)